

Số: 1266/NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn
thu được từ các đợt phát hành trái phiếu tăng vốn BIDV ra công chúng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình HĐQT số 2070/TTr-ALCO ngày 11/11/2025 v/v phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu tăng vốn BIDV ra công chúng năm 2026 – Quý I/2027;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu tăng vốn do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) phát hành theo hình thức phát hành ra công chúng năm 2026 – Quý I/2027 theo nội dung chi tiết nêu tại **Phụ lục 01** đính kèm (Phương Án Phát Hành):

Điều 2. Phê duyệt việc cam kết sẽ triển khai việc niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Hỗ trợ ALCO:

- Quyết định cấu trúc đợt phát hành cụ thể bao gồm các nội dung: quy mô, kỳ hạn, lãi suất, phương thức phân phối trái phiếu, mục đích và kế hoạch sử dụng vốn, thời điểm phát hành dự kiến, phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu, khối lượng đặt mua tối thiểu.

- Quyết định biên độ lãi suất cụ thể đối với từng đợt phát hành đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa theo Phương Án Phát Hành.
- Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương Án Phát Hành theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

2. Giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Kinh doanh vốn và tiền tệ (KDV&TT):

- Tổ chức thực hiện các công việc triển khai chào bán trái phiếu theo Phương Án Phát Hành và tổ chức thực hiện đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tổ chức triển khai và quyết định các nội dung cụ thể đối với việc: lựa chọn, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng/ thỏa thuận, tài liệu (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng/thỏa thuận, tài liệu) với các đơn vị/ tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn/dịch vụ đại lý/đại diện liên quan đến công tác phát hành trái phiếu theo Phương Án Phát Hành đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Quyết định các nội dung chi tiết (bao gồm sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh (nếu có) của Bản cáo bạch chào bán/niêm yết trái phiếu ra công chúng; các điều khoản, điều kiện cụ thể của trái phiếu; việc mua lại trái phiếu trước hạn; các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu; các quyền và nghĩa vụ, các cam kết của BIDV và các nội dung cụ thể khác theo quy định phù hợp với Phương Án Phát Hành được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Quyết định nội dung và ký kết các hồ sơ, thông báo, báo cáo, văn bản xác nhận và các tài liệu giao dịch khác (bao gồm cả các phụ lục, hồ sơ, thông báo, báo cáo, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)) mà BIDV là một bên ký kết hoặc ban hành để cung cấp/thông báo/công bố/giải trình cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan để triển khai các hoạt động xin cấp phép, chào bán và phát hành trái phiếu theo quy định.
- Quyết định và ký kết các hồ sơ, văn bản, thông báo, báo cáo (bao gồm cả các phụ lục, hồ sơ, thông báo, báo cáo, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)) để cung cấp/thông báo/công bố/giải trình cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để niêm yết trái phiếu theo quy định pháp luật.

3. Giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Trung tâm dịch vụ khách hàng:

- Quyết định và tổ chức thực hiện các công việc, ký kết các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đăng ký và lưu ký tập trung trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

4. Trong phạm vi thẩm quyền được giao, Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Hỗ trợ ALCO/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban KDV&TT/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Trung tâm dịch vụ khách hàng được phân cấp, ủy quyền

thường xuyên hoặc từng lần cho các cá nhân/đơn vị liên quan thực hiện và quyết định các văn bản, tài liệu phát sinh (nếu cần).

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Trưởng Ban Thư ký & Quan hệ cổ đông, Giám đốc Ban Hỗ trợ ALCO, Giám đốc Ban KDV&TT, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của pháp luật và của BIDV./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Kiểm soát;
- Các Ban: CS&GSHT, KTGSTT, ALCO, KDV&TT; TTDVKH;
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Lưu: VP, TK&QHCD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đức Tú

**PHỤ LỤC 01: PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ
NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU TĂNG VỐN BIDV
RA CÔNG CHÚNG NĂM 2026 – QUÝ I/2027**

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin về doanh nghiệp phát hành:

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (Sau đây gọi là “BIDV”).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần đại chúng.
- Trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012 và các sửa đổi bổ sung.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài;
- Cấp tín dụng;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng các phương tiện thanh toán; cung ứng các dịch vụ thanh toán; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài;
- Mở tài khoản;
- Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán;
- Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác;
- Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại như dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ môi giới tiền tệ; lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng; hoạt động mua nợ; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; cung cấp hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán ngân hàng giám sát và các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại và các hoạt động kinh doanh khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được gọi là “NHNN”) chấp thuận theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	2024
	BCTC riêng ngân hàng			
1	Tổng tài sản	2.080.234.446	2.258.059.878	2.709.287.140
2	Vốn chủ sở hữu	96.707.318	115.170.922	136.279.744
3	Thu nhập lãi thuần	54.446.776	54.253.025	56.238.101
4	Tổng thu nhập hoạt động	66.912.951	70.307.118	77.011.833
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	45.721.157	46.707.726	51.215.420
6	Lợi nhuận trước thuế	22.416.171	26.705.669	30.609.248
7	Lợi nhuận sau thuế	17.990.097	21.374.934	24.509.019
	BCTC hợp nhất			
1	Tổng tài sản	2.120.676.711	2.300.868.728	2.760.791.854
2	Vốn chủ sở hữu	104.118.505	122.866.889	144.911.113
3	Thu nhập lãi thuần	55.959.698	56.135.566	58.007.576
4	Tổng thu nhập hoạt động	69.479.579	73.013.017	81.060.866
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	46.764.982	47.932.419	53.094.049
6	Lợi nhuận trước thuế	22.922.649	27.588.904	31.984.869
7	Lợi nhuận sau thuế	18.348.524	21.977.141	25.604.037

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán của BIDV các năm 2022, 2023 và 2024

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

2. Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng.

3. Đồng tiền phát hành: Việt Nam Đồng.

4. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và là nợ thứ cấp của BIDV.

5. Hình thức phát hành: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ kèm theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật.

6. Phương thức phát hành: Trực tiếp phát hành theo phương thức phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.

7. Kỳ hạn trái phiếu: Kỳ hạn **7 năm** kèm quyền mua lại sau 2 năm; kỳ hạn **8 năm** kèm quyền mua lại sau 3 năm; kỳ hạn **10 năm** kèm quyền mua lại sau 5 năm.

8. Thời điểm phát hành: Trái phiếu dự kiến được phát hành theo 03 đợt. Ngày phát hành cụ thể của từng đợt sẽ theo thông báo của Tổ chức phát hành:

- Đợt 1: Dự kiến phát hành trong Quý I – Quý II/2026.
- Đợt 2: Dự kiến phát hành trong Quý II – Quý III/2026 sau khi kết thúc đợt phát hành thứ nhất.
- Đợt 3: Dự kiến phát hành trong Quý IV/2026 – Quý I/2027 sau khi kết thúc đợt phát hành thứ hai.

9. Tổng mệnh giá phát hành theo từng kỳ hạn: Tối đa 9.000 tỷ đồng, trong đó kỳ hạn 7 năm: 4.000 tỷ đồng; kỳ hạn 8 năm: 3.000 tỷ đồng; kỳ hạn 10 năm: 2.000 tỷ đồng. Giá trị phát hành mỗi đợt như sau:

STT	Kỳ hạn	Giá trị phát hành tính theo mệnh giá (tỷ đồng)		
		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
1	7 năm	2.000	1.000	1.000
2	8 năm	1.000	1.000	1.000
3	10 năm	1.000	1.000	
	Tổng cộng	4.000	3.000	2.000

Trường hợp đợt trước chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua đợt sau tương ứng theo từng kỳ hạn trái phiếu.

10. Lãi suất trái phiếu: Lãi suất của Trái phiếu là lãi suất thả nổi và được xác định theo công thức sau:—

- Kỳ hạn **7 năm**: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + **biên độ tối đa 1,45%/năm**.

Trường hợp BIDV không mua lại trái phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất trái phiếu trong 2 năm cuối bằng LSTC + biên độ tối đa 3,95%/năm.

- Kỳ hạn **8 năm**: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + **biên độ tối đa 1,5%/năm**. Trường hợp BIDV không mua lại trái phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất trái phiếu trong 3 năm cuối bằng LSTC + biên độ tối đa 3,17%/năm.

- Kỳ hạn **10 năm**: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + **biên độ tối đa 1,6%/năm**. Trường hợp BIDV không mua lại trái phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất trái phiếu trong 5 năm cuối bằng LSTC + biên độ tối đa 2,6%/năm.

Trong đó:

- Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi (làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân), bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - khu vực/thành phố Hà Nội.

- Lãi suất tham chiếu điều chỉnh 06 tháng/lần.
- Kỳ Tính Lãi: 06 tháng/ lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.
- Ngày xác định lãi suất: là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- Biên độ lãi suất cụ thể đối với từng đợt phát hành sẽ được BIDV công bố tại Thông báo chào bán Trái phiếu của từng đợt phát hành, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các nội dung đã được Hội đồng quản trị BIDV thông qua tại phương án phát hành này.

11. Quyền mua lại trái phiếu trước hạn

BIDV có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu. Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho BIDV.

Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại đối với từng kỳ hạn của Trái Phiếu là:

- Kỳ hạn 07 năm: là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành.
- Kỳ hạn 08 năm: là ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành.
- Kỳ hạn 10 năm: là ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành.

12. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

- Lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, vào ngày tròn 06 (sáu) tháng từ ngày phát hành trái phiếu trong thời hạn trái phiếu.

- Tiền gốc Trái phiếu được trả 01 lần bằng 100% mệnh giá trái phiếu vào ngày đáo hạn hoặc ngày trái phiếu được BIDV mua lại trước hạn hoặc theo quy định cụ thể của BIDV tại từng đợt phát hành.

13. Đăng ký trái phiếu tập trung và niêm yết trái phiếu: Trái phiếu sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam theo quy định pháp luật sau khi kết thúc đợt phát hành

14. Các điều kiện khác của trái phiếu: Đảm bảo trái phiếu có các đặc điểm đủ điều kiện ghi nhận vào vốn cấp 2 theo quy định hiện hành của NHNN.

15. Đối tượng mua trái phiếu: là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

16. Mệnh giá trái phiếu, khối lượng đặt mua tối thiểu:

- Mệnh giá trái phiếu: **100.000 VND** (Một trăm nghìn đồng)
- Khối lượng đặt mua tối thiểu: **10.000.000 (mười triệu) VND**, tương ứng tối thiểu 100 (một trăm) trái phiếu.
- Nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng trái phiếu tối thiểu là 100 trái phiếu hoặc là bội số của 100 trái phiếu.

17. Giá chào bán dự kiến: 100.000 VND/ 1 trái phiếu.

18. Phương pháp tính giá: 100% mệnh giá Trái phiếu.

19. Phương thức phân phối: Chào bán trực tiếp tại các chi nhánh/Phòng giao dịch/Trụ sở chính của BIDV.

20. Thời gian phân phối trái phiếu: Dự kiến tối thiểu 20 ngày và tối đa không quá 90 ngày; đợt phát hành thứ hai chỉ thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành thứ nhất, khoảng cách giữa hai đợt chào bán không quá 12 tháng. Trường hợp mỗi đợt phát hành chào bán chưa hết số lượng như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua đợt phát hành sau.

21. Cơ sở tính lãi: 1 năm có 365 ngày.

22. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu:

- Được tự do chuyển nhượng, bán, tặng, cho, để lại thừa kế hoặc thực hiện các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật.
- Được sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Được sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại BIDV theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của BIDV.
- Được thanh toán tiền gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn theo quy định cụ thể của các điều khoản và điều kiện trái phiếu tại các tài liệu phát hành.

23. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua trái phiếu

Trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua trái phiếu:

- Thời hạn: trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc chào bán theo công bố của BIDV.
- Cách thức: chuyển vào tài khoản người mua đã đăng ký hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm đã đăng ký và nộp tiền mua trái phiếu.

24. Phương án sử dụng vốn: Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2025-2026 được BIDV sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động cho tổ chức phát hành và thực hiện cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề dự kiến như sau:

STT	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn	Tiến độ sử dụng vốn
I	Đợt 1	4.000	
	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	2.000	Quý I/2026-Quý III/2026
	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	1.000	
	Lĩnh vực khác	1.000	
II	Đợt 2	3.000	
	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	1.000	Quý III/2026-Quý I/2027
	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	1.000	
	Lĩnh vực khác	1.000	
II	Đợt 3	2.000	
	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	1.000	Quý IV/2026-Quý II/2027
	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	500	
	Lĩnh vực khác	500	
	Tổng cộng	9.000	

- Kế hoạch giải ngân thực tế (bao gồm cả số tiền, thời gian giải ngân và lĩnh vực sử dụng vốn) phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công của từng đợt. Trường hợp Trái Phiếu chào bán Đợt trước chưa được phân phối hết như kế hoạch chào bán dự kiến thì kế hoạch sử dụng vốn Trái Phiếu đợt trước sẽ được phân bổ lại theo từng ngành nghề tương ứng theo tỷ trọng khối lượng Trái Phiếu chào bán thành công/khối lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán. Phần kế hoạch sử dụng vốn còn lại của Đợt trước sau khi phân bổ lại sẽ được chuyển sang kế hoạch sử dụng vốn của Đợt sau, tương ứng theo từng ngành nghề.

- Nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố

trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác,... phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu chưa sử dụng sẽ tạm thời được giữ dưới dạng tiền mặt; hoặc tiền gửi tại các ngân hàng đại lý bao gồm tại NHNN Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác; hoặc các khoản tương đương tiền.

25. Phương án trả nợ vốn:

- *Thanh toán lãi Trái phiếu:* Lãi thu được từ các lĩnh vực mà BIDV dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của BIDV bị lỗ. Việc thanh toán lãi trái phiếu sẽ được thực hiện vào các Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, ngày đến hạn khác khi BIDV thực hiện mua lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn (tùy trường hợp áp dụng)..

- *Thanh toán gốc Trái phiếu:* BIDV sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của BIDV để thanh toán gốc Trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái phiếu. Việc thanh toán gốc trái phiếu được thực hiện vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, ngày đến hạn khác khi BIDV thực hiện mua lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn (tùy trường hợp áp dụng).

25.1. Dự kiến nguồn thu dự phóng từ các khoản giải ngân/ cho vay từ nguồn vốn thu được từ chào bán Trái Phiếu ra công chúng được dùng để thanh toán các khoản gốc, lãi Trái Phiếu như sau:

Đợt 1:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000

Kỳ 2 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 7	6%	4.000	120	2.000	2.120	2.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	2.000	60	1000	1.060	1.000
Kỳ 1 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 1 Năm 10	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 10	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

Đợt 2:*Đơn vị: tỷ đồng*

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 2	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 3	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 5	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 6	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	3.000	90	0	90	3.000

Kỳ 2 Năm 7	6%	3.000	90	1.000	1.090	2.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	2.000	60	1.000	1.060	1.000
Kỳ 1 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 1 Năm 10	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 10	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

Đợt 3:*Đơn vị: tỷ đồng*

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 2	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 3	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 5	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 6	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 7	6%	2.000	60	1.000	1.060	1.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

Trường hợp Đợt trước chưa bán hết số lượng Trái phiếu theo dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua Đợt sau tương ứng theo kỳ hạn Trái phiếu. Dư nợ đầu kỳ có thể thay đổi theo số lượng Trái phiếu phát hành thực tế của mỗi Đợt.

Các giả định như sau:

+ Kỳ thu nợ cho vay dự kiến kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu của mỗi Đợt;

+ Lãi suất cho vay giả định là 6%/năm và không thay đổi trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu. Lãi suất cho vay thực tế được BIDV xác định theo chính sách cho vay từng thời kỳ và phù hợp với quy định pháp luật;

+ Trái phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu.

25.2. Dự kiến kế hoạch thanh toán nợ như sau:

Thời hạn thanh toán:

- Tiền gốc Trái Phiếu: Tiền gốc Trái Phiếu được trả một (01) lần bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu của BIDV hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu;

- Tiền lãi Trái Phiếu: Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ sáu (06) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu;

Chỉ tiêu		Trái phiếu										Đơn vị: tỷ đồng	
		Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm
		Đợt 1 (Quý I-II/2026)					Đợt 2 (Quý II-III/2026)					Đợt 3 (Quý IV/2026 – Quý I/2027)	
Thời điểm phát hành dự kiến													
Năm 2026	Khối lượng phát hành dự kiến	2.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	0,00	0,00	0,00
Năm 2027	Tổng cộng	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	0,00	0,00	0,00
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
Năm 2028	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	60,30	59,30	59,30	60,30	59,30	60,30	58,30	59,30	59,30
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
Năm 2029	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	60,30	59,30	59,30	60,30	59,30	60,30	58,30	59,30	59,30
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
Năm 2030	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	60,30	59,30	59,30	60,30	59,30	60,30	58,30	59,30	59,30
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
Năm 2031	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	60,30	59,30	59,30	60,30	59,30	60,30	58,30	59,30	59,30
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	30,15	29,65	29,65	30,15	29,65	30,15	29,15	29,65	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	83,30	37,98	35,15	35,15	37,98	37,98	35,15	37,98	35,15	29,15	29,65	29,65
	Tổng cộng	141,60	67,63	65,30	65,30	70,80	67,63	65,30	67,63	65,30	58,30	59,30	59,30
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	83,30	37,98	35,15	35,15	41,65	37,98	35,15	37,98	35,15	41,65	37,98	37,98
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	83,30	37,98	35,15	35,15	41,65	37,98	35,15	37,98	35,15	41,65	37,98	37,98

Năm 2032	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	83,30	37,98	35,15	41,65	37,98	35,15	41,65	37,98
	Tổng cộng	166,60	75,97	70,30	83,30	75,97	70,30	83,30	75,97
Năm 2033	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	83,30	37,98	35,15	41,65	37,98	35,15	41,65	37,98
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	37,98	35,15	0,00	37,98	35,15	41,65	37,98
	Gốc Trái Phiếu	2.000	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000	0,00
	Tổng cộng	2.083,30	75,97	70,30	1.041,65	75,97	70,30	1.083,30	75,97
Năm 2034	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	37,98	35,15	0,00	37,98	35,15	0,00	37,98
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	37,98
	Gốc Trái Phiếu	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000
	Tổng cộng	0,00	1.037,98	70,30	0,00	1.037,98	70,30	0,00	1.075,97
Năm 2035	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00
	Tổng cộng	0,00	0,00	70,30	0,00	0,00	70,30	0,00	0,00
Năm 2036	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Gốc Trái Phiếu	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00
	Tổng cộng	0,00	0,00	1.035,15	0,00	0,00	1.035,15	0,00	0,00

Các giả định như sau:

- Trái Phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu;
- Lãi suất tham chiếu: là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi (làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân), bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - khu vực/thành phố Hà Nội.
- Giả định lãi suất tham chiếu không thay đổi trong suốt thời hạn của Trái Phiếu là 4,68%/năm. Trường hợp BIDV không mua lại trái phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, biên độ lãi suất áp dụng cho các Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu tương ứng là:

	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm
<i>Biên độ áp dụng trong 05 năm đầu</i>	1,15%/năm	1,25%/năm	1,35%/năm
<i>Lãi suất áp dụng trong 05 năm đầu</i>	5,83%/năm	5,93%/năm	6,03%/năm
<i>Biên độ áp dụng từ năm thứ 06 trở đi cho đến Ngày Đảo Hạn</i>	3,65%/năm	2,92%/năm	2,35%/năm
<i>Lãi suất áp dụng từ năm thứ 06 trở đi cho đến Ngày Đảo Hạn</i>	8,33%/năm	7,60%/năm	7,03%/năm